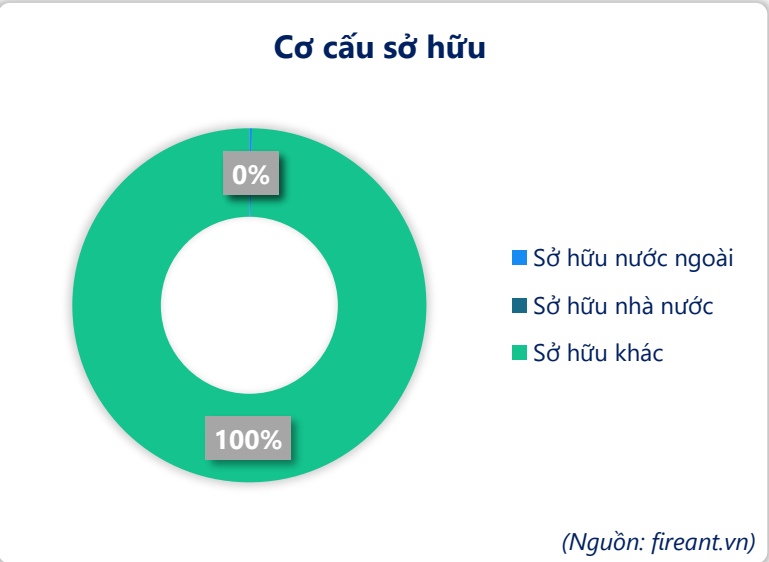
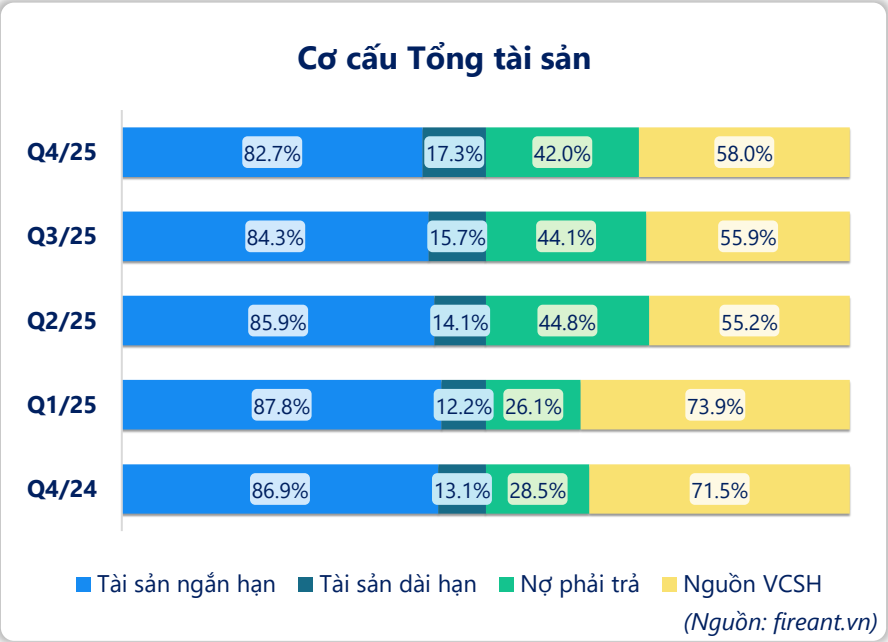
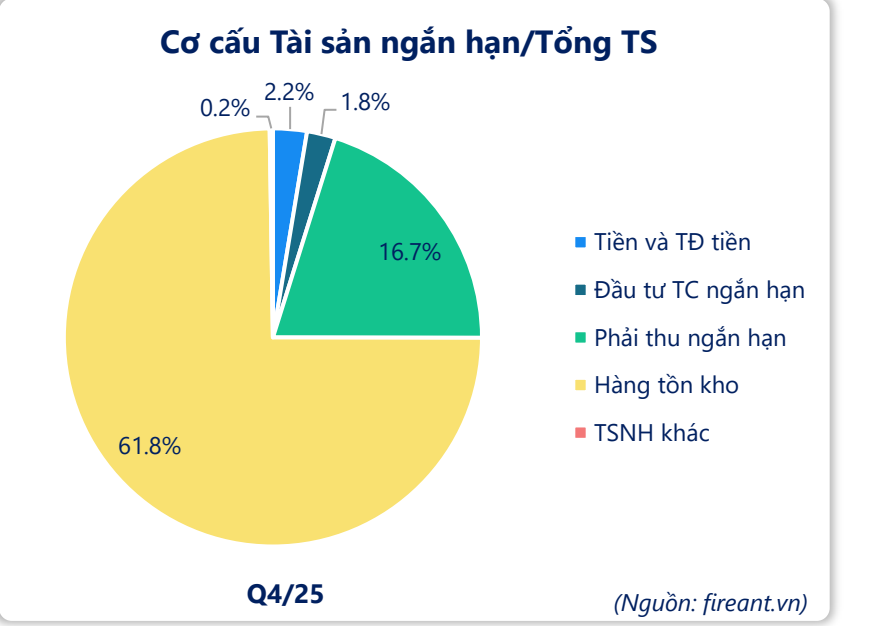
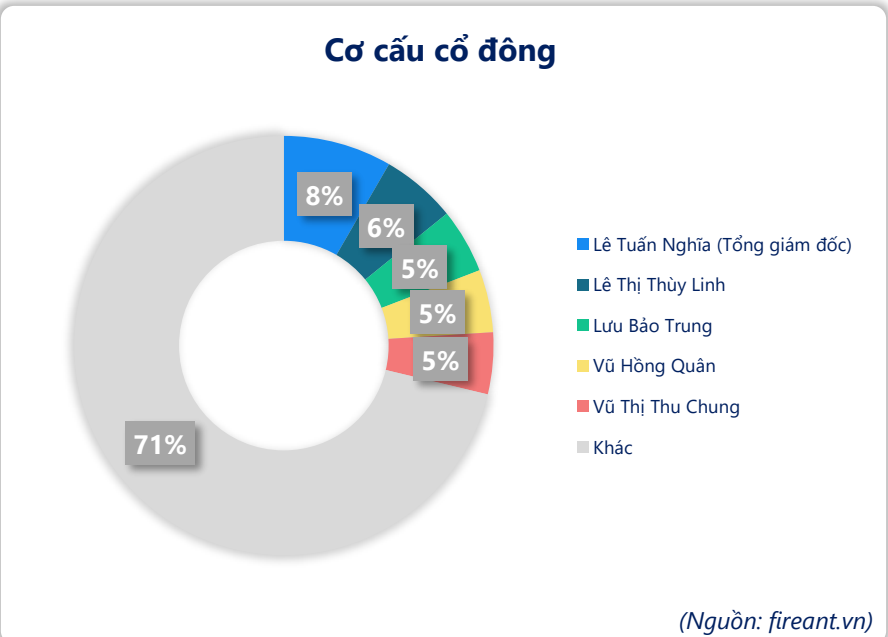
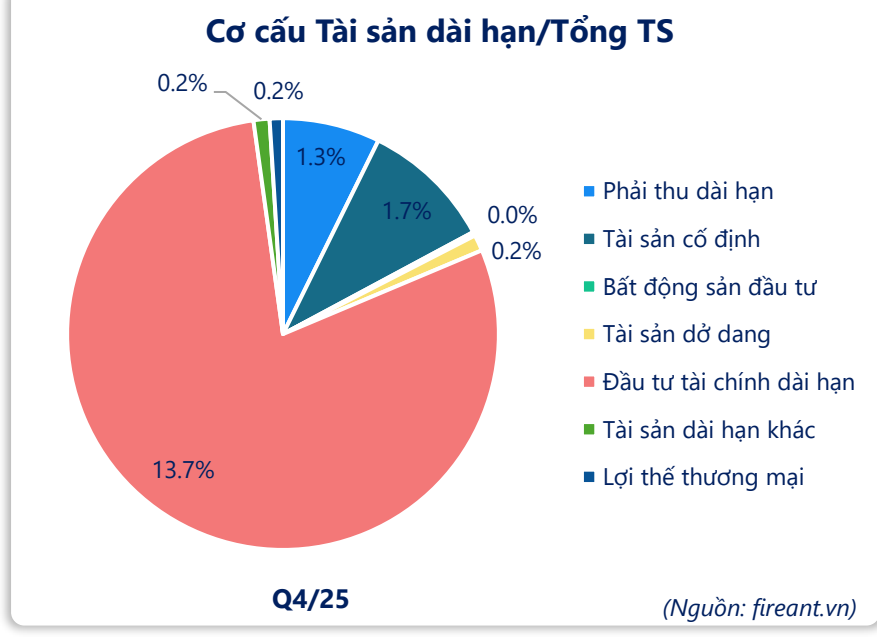
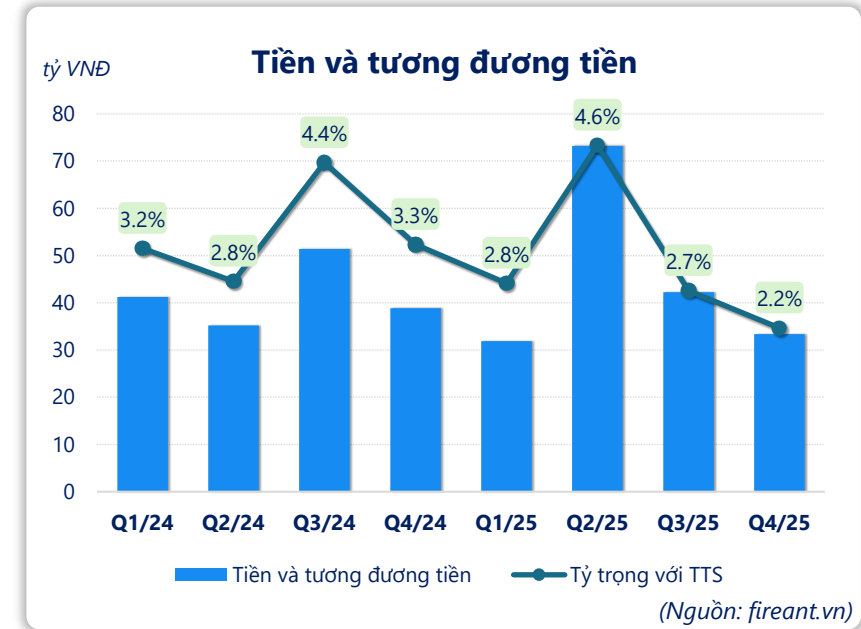
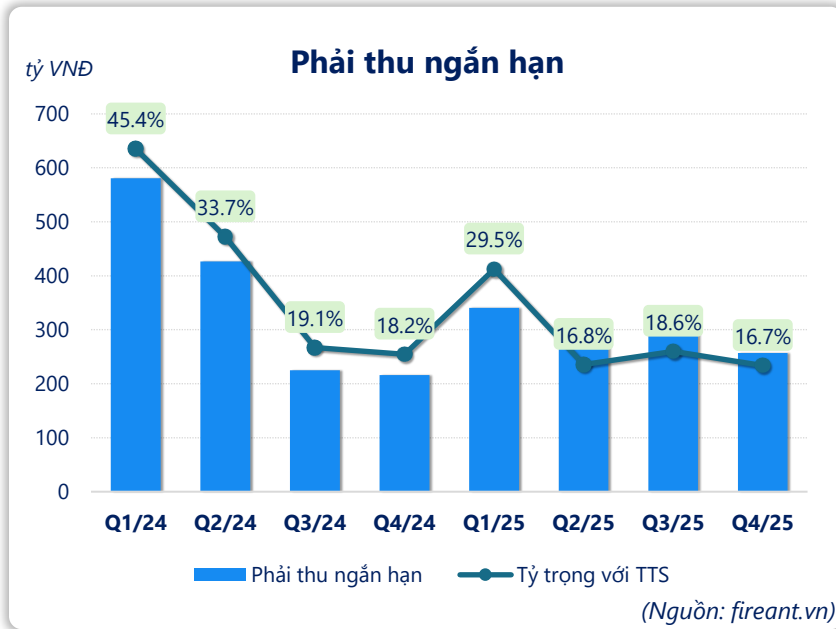
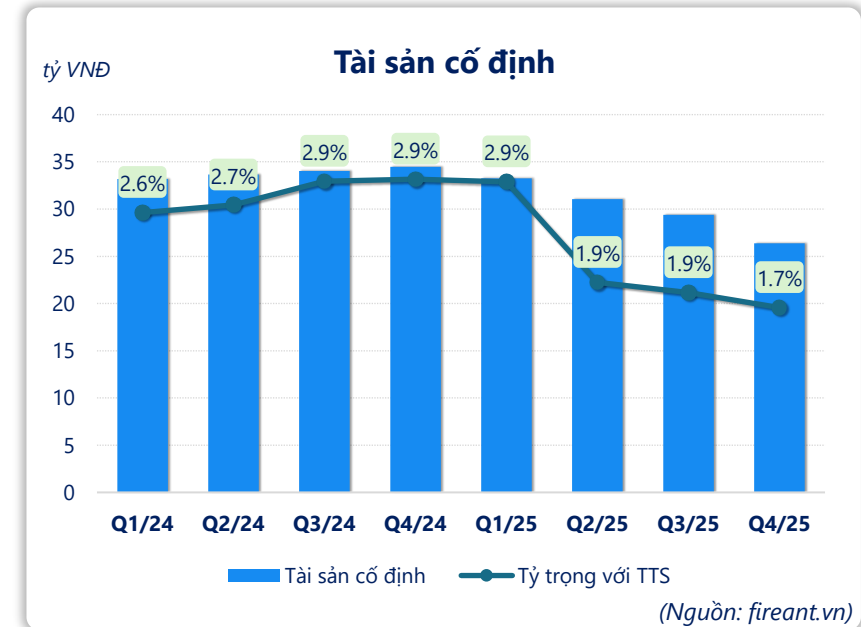
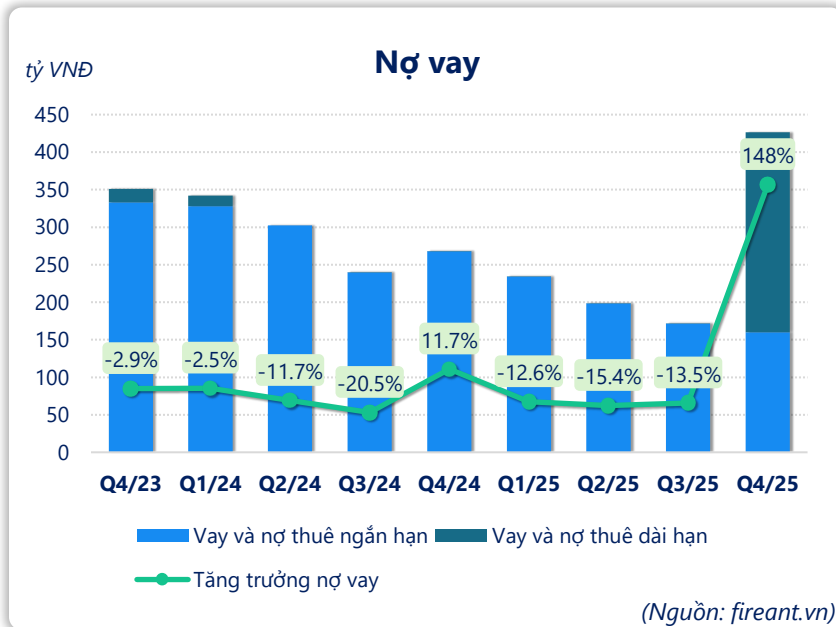
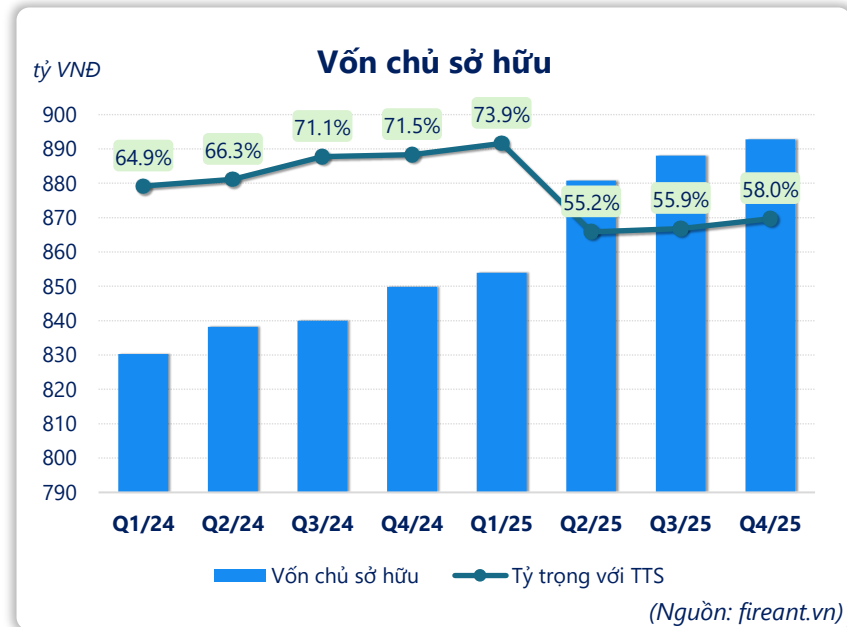
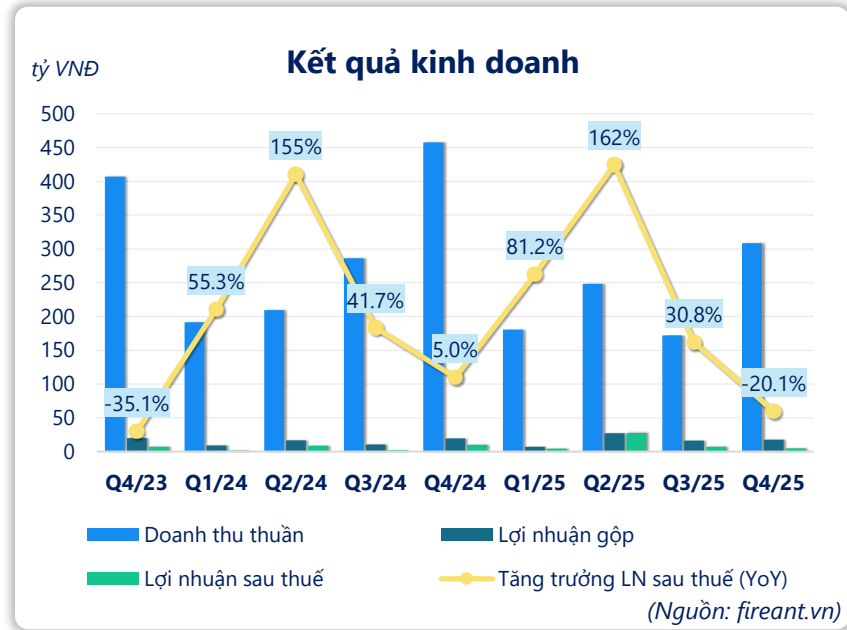
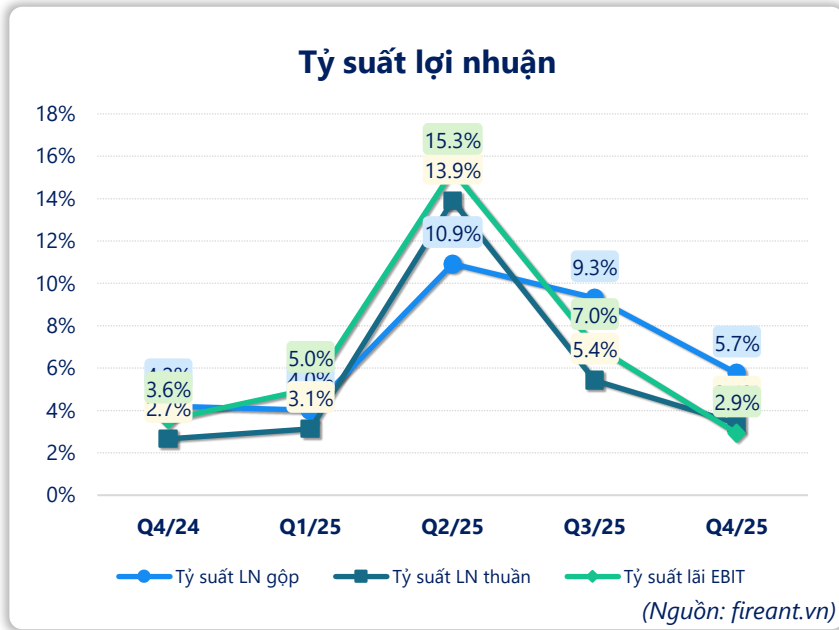
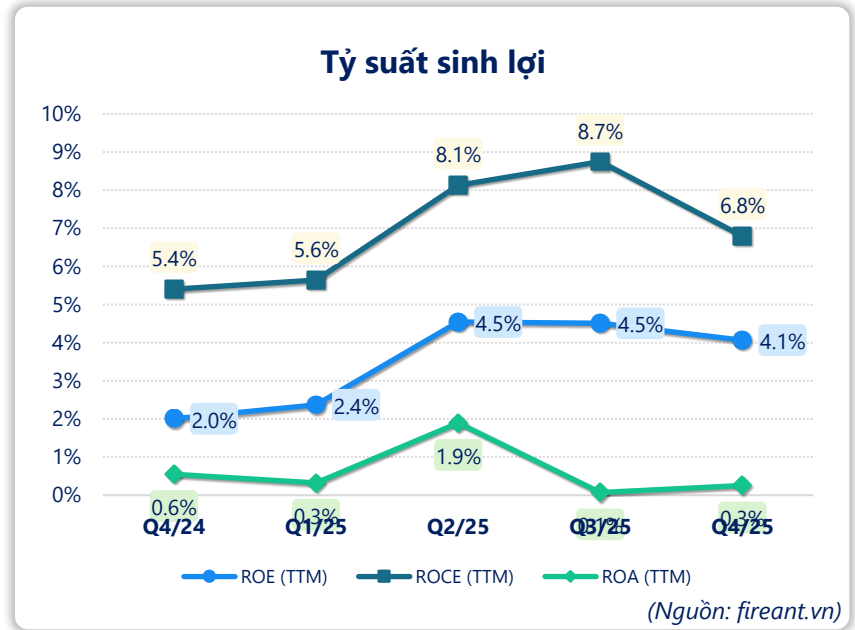
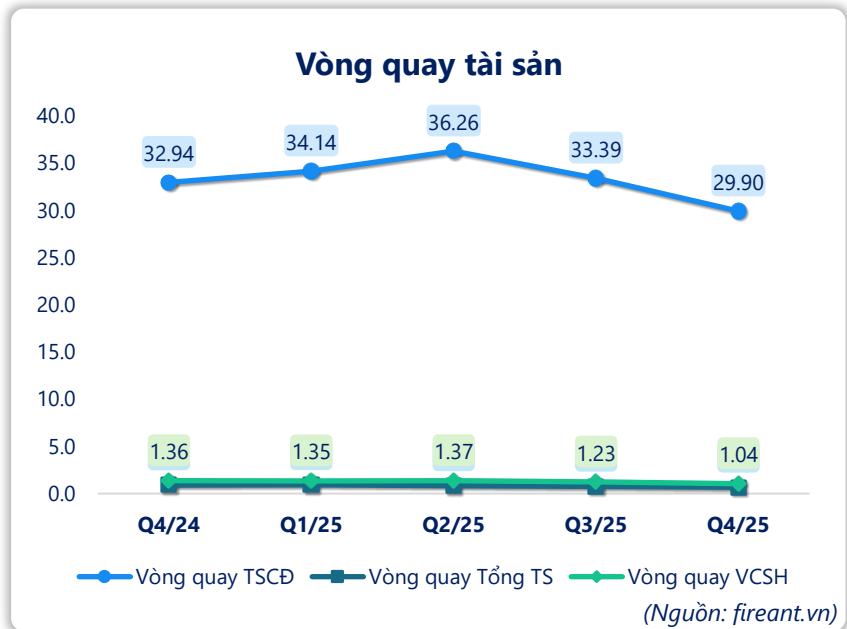
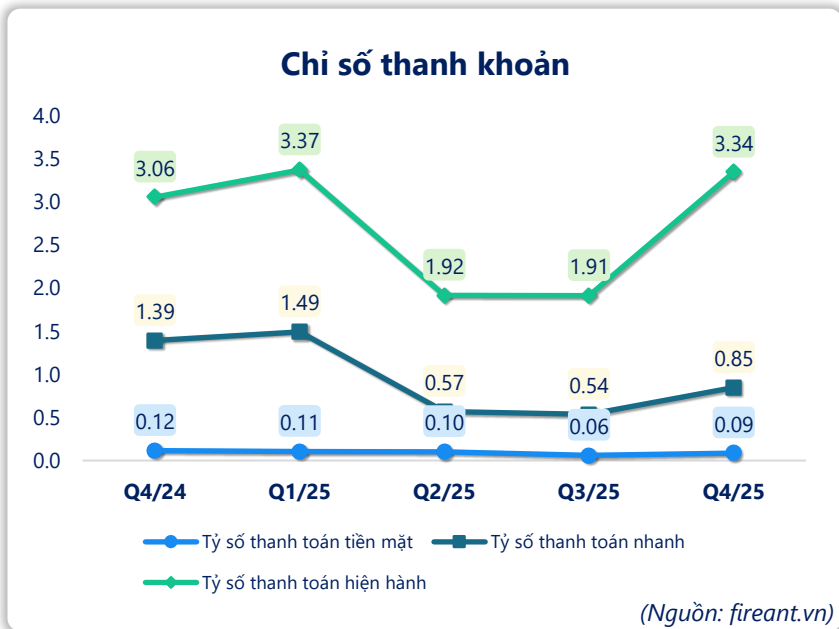
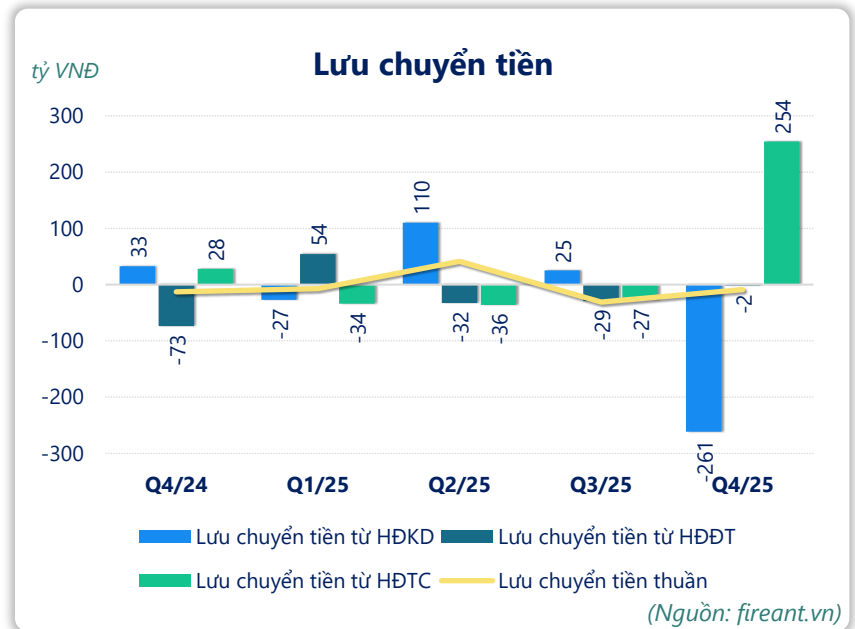


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,500
SL cổ phiếu LH		61,799,972
KLGD BQ 20 phiên (CP)		350,075
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		779
P/E		22.0
EPS		573

	YTD	1T	3T	6T
C69	96.9%	-3.1%	-3.8%	106.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,540	1,192	29.2%
Tài sản ngắn hạn	1,273	1,056	20.5%
Tiền và tương đương tiền	33.4	38.9	-14.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.2	213	-86.8%
Phải thu ngắn hạn	257	242	6.4%
Hàng tồn kho	951	561	69.7%
Tài sản ngắn hạn khác	3.16	1.78	77.9%
Tài sản dài hạn	267	135	97.1%
Phải thu dài hạn	19.5	18.9	3.0%
Tài sản cố định	26.4	34.5	-23.5%
Bất động sản đầu tư	0.77	1.20	-36.4%
Tài sản dở dang	3.21	1.23	161%
Đầu tư tài chính dài hạn	211	75.3	180%
Tài sản dài hạn khác	3.19	1.25	156%
Lợi thế thương mại	2.65	3.07	-13.5%
Nợ phải trả	647	342	89.3%
Nợ ngắn hạn	381	341	11.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	160	268	-40.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	65.6	45.3	45.0%
Nợ dài hạn	267	0.47	56627%
Vay và nợ thuê dài hạn	266	0.47	56518%
Nguồn vốn chủ sở hữu	893	850	5.1%
Vốn chủ sở hữu	893	850	5.1%
Vốn điều lệ	618	618	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	458	181	249	172	308
Giá vốn hàng bán	438	173	221	156	291
Lợi nhuận gộp	19.2	7.26	27.1	16.0	17.7
Doanh thu HĐTC	4.18	8.22	17.8	3.21	3.10
Chi phí TC	4.34	3.58	3.47	3.11	2.71
Chi phí lãi vay	4.04	3.40	3.28	2.88	2.47
LN trong công ty LKLD	0.22	0.04	0.57	0.49	0.87
Chi phí bán hàng	1.87	1.66	2.02	1.79	2.86
Chi phí QLDN	5.26	4.61	5.47	5.49	5.68
LN thuần từ HĐKD	12.2	5.66	34.6	9.33	10.4
Lợi nhuận khác	0.14	0.02	0.23	-0.07	-3.91
LN trước thuế	12.3	5.68	34.8	9.26	6.53
Lợi nhuận sau thuế	9.86	4.20	27.7	7.29	4.69
LNST của CĐ cty mẹ	6.95	3.94	27.1	0.98	3.44

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	32.8	-27.3	110	25.3	-261
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-73.4	54.1	-32.5	-29.5	-2.14
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	28.0	-33.8	-36.0	-26.8	254
Tiền đầu kỳ	51.4	38.9	31.9	73.2	42.3
Lưu chuyển tiền thuần	-12.6	-6.99	41.3	-31.0	-8.91
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	38.9	31.9	73.2	42.3	33.4

(Nguồn: fireant.vn)